

Số: 3276/QĐ-ĐHSPHN2

Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ định hướng ứng dụng
ngành Giáo dục học (Tiểu học, Mầm non)**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI 2

Căn cứ Quyết định số 128/CP ngày 14 tháng 8 năm 1967 của Thủ tướng Chính phủ thành lập Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục học đại học;

Căn cứ Quyết định số 1543/QĐ-ĐHSPHN2 ngày 26 tháng 7 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường ĐHSP Hà Nội 2 ban hành Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ ở trường ĐHSP Hà Nội 2.

Căn cứ Kết luận của Hội đồng Khoa học và Đào tạo tại Biên bản họp ngày 20 tháng 12 năm 2023;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ định hướng ứng dụng ngành Giáo dục học (Tiểu học, Mầm non), mã số: 8140101

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng các phòng: TC-HC, Đào tạo, Tài vụ; trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để t/h);

- Lưu: TC-HC, ĐT.



Nguyễn Quang Huy

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 3276/QĐ-ĐHSPHN2 ngày 29 tháng 12 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2)

Tên chương trình:

Tiếng Việt: Giáo dục học

Tiếng Anh: Pedagogy

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

Ngành đào tạo: Giáo dục học (Mầm non)

Mã số: 8140101

Tên gọi văn bằng: Thạc sĩ Giáo dục học

Loại hình đào tạo: Chính quy

Định hướng đào tạo: Ứng dụng

Thời gian đào tạo: 02 năm

Vị trí việc làm: Người tốt nghiệp trình độ thạc sĩ Giáo dục học sẽ thích hợp các vị trí việc làm như sau: Giảng dạy tại các cơ sở giáo dục, các trung tâm hay viện nghiên cứu giáo dục; Quản lý ở các cơ sở giáo dục các cấp, các cơ quan quản lý giáo dục, các cơ quan có liên quan đến văn hóa xã hội giáo dục; Xây dựng, tổ chức các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng ở các tổ chức doanh nghiệp có các phòng ban/ trung tâm thực hiện các chức năng phát triển chất lượng đội ngũ nhân sự về giáo dục; Nghiên cứu tại các cơ sở giáo dục, các trung tâm hay viện nghiên cứu giáo dục; Các vị trí công việc khác phù hợp với lĩnh vực chuyên môn được đào tạo.

Khả năng học tập nâng cao trình độ: có thể học lên trình độ tiến sĩ ngành phù hợp (phải đáp ứng các điều kiện học bổ sung theo quy định).

Thời điểm xây dựng CTĐT: 9/2023.

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo thạc sĩ Giáo dục học theo định hướng ứng dụng giúp người học có kiến thức nền tảng và kỹ năng chuyên sâu, khả năng phát triển các kết quả nghiên cứu cơ bản, năng lực ứng dụng các tri thức khoa học để xây dựng và triển khai hiệu quả các giải pháp trong lĩnh vực giáo dục, đáp ứng nhu cầu đa dạng của thực tiễn, đáp ứng điều kiện đào tạo tại địa phương.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Mã	Mô tả
M1	Bồi dưỡng phẩm chất chính trị, ý thức công dân và đạo đức nghề nghiệp.
M2	Hình thành nền tảng kiến thức lý thuyết cơ bản, hiện đại; kiến thức thực tế sâu, rộng liên quan đến lĩnh vực giáo dục học.

Mã	Mô tả
M3	Phát triển tư duy phản biện, kỹ năng phân tích, tổng hợp và đánh giá dữ liệu, thông tin một cách khoa học và tiên tiến.
M4	Phát triển năng lực ứng dụng, chuyển giao các kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực giáo dục học.
M5	Phát triển năng lực phổ biến tri thức khoa học thuộc lĩnh vực giáo dục học.
M6	Phát triển năng lực tư vấn, hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học ứng dụng liên quan đến lĩnh vực giáo dục học.
M7	Phát triển năng lực quản lý, đánh giá, cải tiến để nâng cao hiệu quả nghiên cứu ứng dụng trong thực tiễn giáo dục.
M8	Phát triển năng lực tự định hướng, thích nghi với môi trường nghề nghiệp thay đổi.

2. Chuẩn đầu ra

2.1. Nội dung chuẩn đầu ra

Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, người học có thể:

Mã	Mô tả	Chỉ số thực hiện
C1	Thể hiện tư duy, thế giới quan và phương pháp luận triết học duy vật biện chứng và duy vật lịch sử vững chắc trong nhận thức và nghiên cứu các đối tượng thuộc lĩnh vực khoa học chuyên ngành. Trên cơ sở lý luận triết học duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, luận giải được đường lối cách mạng Việt Nam, đặc biệt đường lối cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đổi mới.	- Vận dụng được thế giới quan và phương pháp luận triết học duy vật biện chứng và duy vật lịch sử vào nhận thức và nghiên cứu các đối tượng thuộc lĩnh vực khoa học chuyên ngành - Luận giải được đường lối cách mạng Việt Nam, đặc biệt đường lối cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đổi mới.
C2	Thể hiện sự trung thực, đoàn kết, cầu thị, hợp tác, tư duy độc lập, sáng tạo và tinh thần trách nhiệm cao trong công việc.	- Có tinh thần trách nhiệm, cầu thị, đoàn kết và hợp tác trong công việc - Trung thực, có tư duy độc lập, sáng tạo trong công việc
C3	Đạt trình độ năng lực ngoại ngữ tương đương Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.	- Hiểu được những nội dung chính của một văn bản tiếng Anh - Sử dụng tiếng Anh thành thạo trong giao tiếp hàng ngày - Viết được văn bản tiếng Anh đúng theo yêu cầu

C4	Khai thác hiệu quả và sáng tạo các ứng dụng các ứng dụng khoa học trong giáo dục.	- Sử dụng được các ứng dụng của khoa học công nghệ phù hợp để mang lại kết quả nghiên cứu và quản lí khoa học tốt hơn. - Sử dụng được các ứng dụng khoa học công nghệ phù hợp trong các bối cảnh khác nhau của hoạt động nghiên cứu và quản lí nghiên cứu khoa học.
C5	Vận dụng kiến thức cơ sở của các khoa học liên quan để xây dựng và triển khai hiệu quả các giải pháp, quy trình trong lĩnh vực giáo dục học.	Áp dụng được các kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực giáo dục và kiến thức cơ sở của các khoa học liên quan để đề xuất các giải pháp trong nghiên cứu khoa học ứng dụng.
C6	Ứng dụng và phát triển các kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực giáo dục học vào thực tiễn giáo dục.	- Áp dụng các kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực giáo dục học vào thực tiễn giáo dục. - Phát triển các kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực giáo dục học vào lĩnh vực giáo dục.
C7	Cập nhật các thành tựu và xu hướng nghiên cứu cơ bản liên quan đến lĩnh vực giáo dục học để ứng dụng vào giải quyết những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn.	- Trình bày được các thành tựu và xu hướng nghiên cứu cơ bản mới có liên quan đến lĩnh vực giáo dục. - Vận dụng được các thành tựu và xu hướng nghiên cứu cơ bản mới có liên quan đến lĩnh vực giáo dục để đề xuất giải pháp giải quyết vấn đề nảy sinh trong thực tiễn.
C8	Phổ biến kết quả nghiên cứu ứng dụng trong các hội nghị/hội thảo/tạp chí khoa học chuyên ngành và cộng đồng.	Trình bày được kết quả nghiên cứu ứng dụng trong các hội nghị/hội thảo/tạp chí chuyên ngành và cộng đồng.
C9	Tư vấn, tổ chức, quản lý và đánh giá kết quả thực hiện các giải pháp thực tiễn, nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc lĩnh vực giáo dục học.	- Đề xuất được với các bên liên quan các giải pháp thực tiễn, nhiệm vụ khoa học và

		công nghệ thuộc lĩnh vực giáo dục học. - Xây dựng được kế hoạch và thực hiện, quản lí, đánh giá được kết quả thực hiện các giải pháp thực tiễn, nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc lĩnh vực giáo dục học.
C10	Tham gia đào tạo và hướng dẫn khoa học ứng dụng về lĩnh vực giáo dục học.	- Tham gia giảng dạy, hỗ trợ giảng viên một số nội dung dạy học phù hợp liên quan đến thực tiễn giáo dục. - Tham gia hướng dẫn sinh viên tìm hiểu và thực hiện nghiên cứu khoa học ứng dụng về thực tiễn trong lĩnh vực giáo dục.

2.2. Ma trận Chuẩn đầu ra - Mục tiêu

Chuẩn đầu ra	Mục tiêu cụ thể							
	M1	M2	M3	M4	M5	M6	M7	M8
C1	x							
C2	x		x					
C3		x			x			
C4			x				x	
C5		x						
C6		x			x	x		
C7		x		x	x			x
C8		x		x				
C9		x				x	x	
C10		x		x	x	x		x

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa

TT	Các khối kiến thức	Số tín chỉ
I	Kiến thức chung	16
I.1	Bắt buộc	4
I.2	Tự chọn	12
II	Kiến thức cơ sở ngành	14
II.1	Bắt buộc	6
II.2	Tự chọn (Giáo dục mầm non)	8

TT	Các khối kiến thức	Số tín chỉ
III	Kiến thức chuyên ngành	15
III.1	Bắt buộc	9
III.2	Tự chọn	6
IV	Thực tập	6
V	Đề án tốt nghiệp	9
	TỔNG	60

4. Chuẩn đầu vào

Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp. Người có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần, ngành khác phải học bổ sung kiến thức (*Theo Quy định tuyển sinh thạc sĩ của Trường ĐHSP Hà Nội 2*).

Danh mục ngành phù hợp: Cử nhân Giáo dục Tiểu học, Cử nhân Giáo dục Mầm non.

Có trình độ Ngoại ngữ bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

5.1. Quy trình đào tạo

Chương trình đào tạo thực hiện theo phương thức tín chỉ, được tổ chức theo từng năm học và học kỳ. Cụ thể, người học:

- Đăng ký kế hoạch học tập trước khi bắt đầu mỗi học kỳ, khối lượng tín chỉ tối đa và tối thiểu được phép đăng ký trong mỗi học kỳ tuân thủ Quy định Tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Trường ĐHSP Hà Nội 2.

- Hoàn thành các học phần theo yêu cầu của chương trình đào tạo với tổng khối lượng 45 tín chỉ (không tính thực tập và đề án tốt nghiệp).

- Hoàn thành thực tập với khối lượng 06 tín chỉ.

- Hoàn thành 01 đề án nghiên cứu trong thời gian ít nhất 03 tháng, kết quả được thể hiện bằng một báo cáo đề án (bản thuyết minh quá trình xây dựng, triển khai và kết quả triển khai đề án).

5.2. Điều kiện tốt nghiệp

Người học được công nhận tốt nghiệp khi:

- Đã hoàn thành các học phần của chương trình đào tạo và bảo vệ đề án đạt yêu cầu;
- Có trình độ ngoại ngữ đạt yêu cầu theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trước thời điểm xét tốt nghiệp; được minh chứng bằng một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài;

- Hoàn thành các trách nhiệm theo quy định của Trường;

d) Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật, đình chỉ học tập.

6. Cách thức đánh giá

6.1. Chiến lược đánh giá

Hoạt động đánh giá được thiết kế theo tiếp cận năng lực, kết hợp hợp lý giữa đánh giá kết quả học tập, đánh giá vì học tập và đánh giá như học tập, nhằm:

- Phản ánh chính xác, công bằng, minh bạch năng lực của người học theo mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra, qua đó xác thực hiệu quả của chương trình đào tạo.

- Hỗ trợ và thúc đẩy cải thiện việc học tập của người học, cải tiến phương pháp giảng dạy của giảng viên và nâng cao chất lượng chương trình đào tạo.

6.2. Đánh giá kết quả học tập

Đánh giá kết quả học tập tuân thủ Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Trường ĐHSP Hà Nội 2. Cụ thể:

6.2.1. Đánh giá học phần

Kết quả học tập học phần được đánh giá qua các hình thức phù hợp để đo lường mức độ đạt được chuẩn đầu ra của học phần, được thể hiện bởi một điểm học phần. Điểm học phần được tính từ tổng điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng. Các điểm thành phần được đánh giá theo thang điểm 10. Số lượng điểm thành phần, hình thức đánh giá và trọng số mỗi điểm thành phần thể hiện rõ trong đề cương chi tiết của học phần.

Kết quả học tập học phần chỉ được xếp loại Đạt khi điểm học phần từ 5,5 trở lên theo thang điểm 10.

6.2.2. Đánh giá sau từng học kỳ

Kết quả học tập được đánh giá sau từng học kỳ qua các chỉ tiêu sau:

1. Khối lượng kiến thức tích lũy: tính bằng tổng số tín chỉ của những học phần đã được đánh giá tính từ đầu khóa học.

2. Điểm trung bình chung tích lũy: là điểm trung bình cộng có trọng số của các điểm học phần (đã quy đổi theo thang điểm 4) mà người học đã tích lũy được, tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm xét, với trọng số là số tín chỉ của từng học phần.

6.2.3. Đánh giá đề án

Đề án được tổ chức đánh giá bằng hình thức bảo vệ trước hội đồng đánh giá. Điểm đề án, được tính theo thang điểm 10, là trung bình cộng điểm chấm của các thành viên hội đồng có mặt trong buổi đánh giá đề án. Đề án được xếp loại Đạt khi điểm trung bình lớn hơn hoặc bằng 5,5.

7. Nội dung chương trình

7.1. Khung chương trình

TT	Học phần	Mã số	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ				
				Lên lớp			Thực tập, thực tế	Tự học, tự nghiên cứu
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành		
I. Khối kiến thức chung			16					
I.1. Bắt buộc			4					
1	Triết học	PHIL501	4	42	36			122
I.2. Tự chọn								
I.2.1. Nhóm 1 (Ngoại ngữ)			12					
2	Tiếng Anh B21	ENGL101	4	42	36			122
3	Tiếng Anh B22	ENGL102	4	42	36			122
4	Tiếng Anh B23	ENGL103	4	42	36			122
I.2.2. Nhóm 2 (Dành cho lưu học sinh)			12					
5	Tiếng Việt nâng cao	VIE104	4	42	36			122
6	Lịch sử, địa lí Việt Nam	VIE105	4	42	36			122
7	Văn hóa và các dân tộc Việt Nam	VIE106	4	42	36			122
II. Khối kiến thức cơ sở ngành			14					
II.1. Bắt buộc			6					
8	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học giáo dục	EDSC511	2	15	30			55
9	Tâm lí học giáo dục	EDSC512	2	15	30			55
10	Hoạt động giáo dục địa phương	EDSC560	2				100	
II.2. Tự chọn: Giáo dục học (Giáo dục mầm non), (Chọn 4 trong số 8 học phần sau)			8					
11	Chuẩn giáo dục và Lý thuyết chương trình giáo dục	EDSC521	2	15	30			55
12	Văn hóa nhà trường hiện đại	EDSC522	2	15	30			55
13	Giáo dục so sánh	EDSC523	2	15	30			55
14	Quản lí giáo dục và trường mầm non	PRES524	2	15	30			55
15	Đánh giá trẻ trong giáo dục mầm non	PRES525	2	15	30			55
16	Bối cảnh và chính sách trong giáo dục mầm non	PRES526	2	15	30			55
17	Lý thuyết về môi trường hoạt động của trẻ ở trường mầm non	PRES527	2	15	30			55
18	Giáo dục tiền tiểu học cho trẻ mầm non	PRES528	2	15	30			55
III. Khối kiến thức chuyên ngành			15					
III.1. Bắt buộc			9					
19	Tâm lí học thần kinh trẻ em	PRES 541	3	30	30			60
20	Các lí thuyết phát triển trẻ em	PRES 542	3	30	30			60

TT	Học phần	Mã số	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ				
				Lên lớp			Thực tập, thực tế	Tự học, tự nghiên cứu
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành		
21	Các xu hướng giáo dục hiện đại trong thực tiễn giáo dục mầm non	PRES545	3				150	
III.2. Tự chọn (Chọn 3 trong số 10 học phần sau)			6					
22	Giáo dục và phát triển ngôn ngữ của trẻ	PRES551	2	15	30			55
23	Giáo dục thể chất ở trường mầm non	PRES552	2	15	30			55
24	Giáo dục giá trị và kĩ năng sống ở trường mầm non	PRES553	2	15	30			55
25	Phát triển tư duy của trẻ qua hoạt động làm quen với toán và môi trường xung quanh	PRES554	2	15	30			55
26	Phát triển tính sáng tạo của trẻ trong hoạt động nghệ thuật	PRES555	2	15	30			55
27	Phát triển kĩ năng giao tiếp của trẻ mầm non	PRES556	2	15	30			55
28	Phát hiện và bồi dưỡng năng khiếu của trẻ	PRES558	2	15	30			55
29	Giáo dục trẻ có nhu cầu đặc biệt	PRES559	2	15	30			55
30	Giáo dục STEAM trong trường mầm non	PRES560	2	15	30			55
31	Truyền thông giáo dục dinh dưỡng trẻ em	PRES561	2	15	30			55
IV	Thực tập	PRA401	6				300	
V	Đề án tốt nghiệp	THE502	9					450
TỔNG CỘNG:			60					

7.2. Ma trận Học phần - Chuẩn đầu ra

Mã học phần	Chuẩn đầu ra									
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10
PHIL501	T	U								
ENGL101		T	T							
ENGL102		T								
ENGL103		T								
VIE104			T							
VIE105			T							
VIE106			T							
EDSC511		T					T			

EDSC512		T			T					T
EDSC514		T		T	T					T
EDSC521		T			T		T	T		T
EDSC522		T			T		T	T		T
EDSC523		T			T		T	T	T	T
PRES524		T		U	T		T	T		T
PRES525		T		U	T		T	T	T	T
PRES526		T		U	T			T	T	T
PRES527	T			T		T	T		T	
PRES528		T		T		T		T		T
PRES541		T		T	T			T	T	T
PRES542	T			T	T		T	T	T	T
PRES545				T	T		T	T	T	T
PRES551				T		T	T	T	T	
PRES552	T	T		T		T	T	T	T	
PRES553		T		T		T	T			
PRES554		T		T	T		T		T	T
PRES555		T		T	T		T		T	T
PRES556		U		T	T		T	T	T	T
PRES557		U		T	T	T	T	T	T	T
PRES558		U		T	T	U	T	T	T	U
PRES559		U			T	U	T	T	T	
PRES560					T		T		T	
PRES561	T		T		T	T		T	T	

7.3. Kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa

Mã học phần	Tên học phần	Năm học			
		I		II	
		1	2	3	4
PHIL501	Triết học	4			
	<i>Tự chọn 1 (Ngoại ngữ)</i>	12			
ENGL101	Tiếng Anh B21				
ENGL102	Tiếng Anh B22				
ENGL103	Tiếng Anh B23				
	<i>Tự chọn 2 (Dành cho lưu học sinh)</i>	12			
VIE104	Tiếng Việt nâng cao				
VIE105	Lịch sử, địa lí Việt Nam				
VIE106	Văn hóa và các dân tộc Việt Nam				
Tổng cộng kỳ 1		16			
EDSC511	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học giáo dục	2			
EDSC514	Hoạt động giáo dục địa phương		2		

EDSC512	Tâm lý học giáo dục		2		
PRES541	Tâm lý học thần kinh trẻ em		3		
PRES542	Các lý thuyết phát triển trẻ em		3		
PRES545	Các xu hướng giáo dục hiện đại trong thực tiễn giáo dục mầm non		3		
Tổng cộng kỳ 2			15		
Tự chọn (Chọn 7 trong 18 học phần)					
EDSC521	Chuẩn giáo dục và lý thuyết chương trình giáo dục			2	
EDSC522	Văn hoá nhà trường hiện đại			2	
EDSC523	Giáo dục so sánh			2	
PRES524	Quản lý giáo dục và trường mầm non			2	
PRES525	Đánh giá trong giáo dục mầm non			2	
PRES526	Bối cảnh và chính sách trong mầm non			2	
PRES527	Lý thuyết về môi trường hoạt động của trẻ ở trường mầm non			2	
PRES528	Giáo dục tiền tiểu học cho trẻ mầm non			2	
PRES551	Giáo dục và phát triển ngôn ngữ cho trẻ			2	
PRES552	Giáo dục thể chất ở trường mầm non			2	
PRES553	Giáo dục giá trị và kỹ năng sống ở trường mầm non			2	
PRES554	Phát triển tư duy của trẻ qua hoạt động làm quen với toán và MTXQ			2	
PRES555	Phát triển tính sáng tạo của trẻ trong hoạt động nghệ thuật			2	
PRES556	Phát triển kỹ năng giao tiếp của trẻ mầm non			2	
PRES561	Truyền thông giáo dục dinh dưỡng trẻ em			2	
PRES558	Phát triển và bồi dưỡng năng khiếu của trẻ			2	
PRES559	Giáo dục trẻ có nhu cầu đặc biệt			2	
PRES560	Giáo dục STEAM trong trường mầm non			2	
Tổng cộng kỳ 3				14	
PRA401	Thực tập				6
THE502	Đề án/ Dự án tốt nghiệp				9
Tổng cộng kỳ 4					15
TỔNG CỘNG			60		

8. Mô tả tóm tắt các học phần

8.1. Triết học (4 tín chỉ)

Học phần được bố trí giảng dạy - học tập trong giai đoạn đầu của chương trình đào tạo nhằm bồi dưỡng tư duy triết học, rèn luyện thế giới quan và phương pháp luận triết học cho học viên cao học trong việc nhận thức và nghiên cứu các đối tượng thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn; Học phần còn góp phần bồi dưỡng phẩm chất chính trị cho người học và bổ trợ tri thức, hình thành nền tảng thế giới quan và phương pháp luận đúng đắn trong nghiên cứu các môn khoa học chuyên ngành.

8.2. Tiếng Anh B2.1 (4 tín chỉ)

Tiếng Anh B2.1 là học phần được thiết kế nhằm trang bị cho học viên khối kiến thức cũng như kỹ năng thực hành tiếng Anh (kỹ năng nghe, nói, đọc, viết) ở trình độ trung cao cấp. Bên cạnh đó, học phần giúp học viên rèn luyện và nâng cao kỹ năng phát âm Tiếng Anh. Học phần cũng bước đầu định hướng và giúp học viên làm quen với các định dạng bài thi đánh giá năng lực ngoại ngữ nhằm tiếp cận chuẩn đầu ra Tiếng Anh trong chương trình thạc sĩ ứng dụng.

8.3. Tiếng Anh B2.2 (4 tín chỉ)

Tiếng Anh B2.2 là học phần được dạy học sau học phần Tiếng Anh B2.1. Học phần này tiếp tục trang bị cho học viên khối kiến thức mở rộng cũng như kỹ năng thực hành tiếng Anh (kỹ năng nghe, nói, đọc, viết) ở trình độ trung cao cấp. Bên cạnh phát triển các kỹ năng giao tiếp Tiếng Anh, học phần giúp phát triển tư duy phản biện cho học viên thông qua các chủ đề và nhiệm vụ học tập sử dụng tiếng Anh. Học viên cũng được luyện tập, thực thành làm bài thi đánh giá năng lực ngoại ngữ nhằm tiếp cận chuẩn đầu ra Tiếng Anh trong chương trình thạc sĩ ứng dụng.

8.4. Tiếng Anh B2.3 (4 tín chỉ)

Tiếng Anh B2.3 là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo Thạc sĩ ứng dụng và là học phần tiếp nối của hai học phần Tiếng Anh B2.1 và Tiếng Anh B2.2. Học phần trang bị cho học viên khối kiến thức chuyên sâu cũng như phát triển kỹ năng thực hành tiếng Anh (kỹ năng nghe, nói, đọc, viết) ở trình độ trung cao cấp. Học viên cũng tiếp tục được luyện tập, thực thành làm bài thi đánh giá năng lực ngoại ngữ nhằm tiếp cận chuẩn đầu ra Tiếng Anh trong chương trình thạc sĩ ứng dụng.

8.5. Tiếng Việt nâng cao (4 tín chỉ)

Học phần này giúp học viên nâng cao kiến thức, kỹ năng sử dụng Tiếng Việt để đáp ứng yêu cầu học tập và nghiên cứu ở trình độ thạc sĩ. Nội dung học phần tập trung tăng cường hệ thống từ vựng, nhất là những thuật ngữ trong lĩnh vực giáo dục, rèn luyện các kỹ năng đọc, viết, nói và nghe, trong đó, chú ý việc đọc các tài liệu học thuật, viết các báo cáo nghiên cứu và trình bày, trao đổi, thảo luận về một vấn đề nghiên cứu tự nhiên hoặc xã hội.

8.6. Lịch sử, địa lý Việt Nam (4 tín chỉ)

Học phần giúp người học hiểu được tiến trình lịch sử, đặc điểm thế giới quan và nhân sinh quan của người Việt Nam, đồng thời trang bị cho người học những kiến thức

về vị trí địa lí và lãnh thổ Việt Nam; đặc điểm địa hình, khí hậu, sông ngòi - biển, đất sinh vật, vai trò của tài nguyên thiên nhiên đối với sự phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam.

8.7. Văn hóa và các dân tộc Việt Nam (4 tín chỉ)

Học phần tập trung trang bị cho học viên những kiến thức về đặc trưng văn hóa Việt Nam, một số lễ hội tiêu biểu, những nét đặc thù về tôn giáo, tín ngưỡng của Việt Nam, đồng thời cung cấp hệ thống tri thức về các dân tộc ở Việt Nam, bao gồm: sự phân bố và đặc điểm văn hóa của các tộc người ở Việt Nam; đường lối, chính sách của Nhà nước Việt Nam về phát triển văn hóa các dân tộc.

8.8. Phương pháp luận nghiên cứu khoa học giáo dục (2 tín chỉ)

Học phần trang bị những kiến thức cơ bản về khoa học giáo dục, nghiên cứu khoa học giáo dục, các phương pháp nghiên cứu cũng như những yêu cầu cơ bản trong nghiên cứu khoa học giáo dục.

Thông qua việc rèn luyện các kĩ năng nghiên cứu giúp học viên hình thành ý thức, thái độ tự giác, tích cực, độc lập, trung thực trong nghiên cứu, cũng như hoàn thiện phẩm chất của nhà giáo dục.

Tổ chức cho học viên thực hiện quy trình nghiên cứu khoa học giáo dục để phát triển năng lực nghiên cứu và hoàn thành tốt luận văn tốt nghiệp.

8.9. Tâm lí học giáo dục (2 tín chỉ)

Học phần trang bị những kiến thức cơ bản về cơ sở Tâm lí học giáo dục, nền tảng của Lí luận giáo dục hiện đại, giới thiệu những tiền đề khoa học, những lí thuyết khoa học trong tâm lí học về quá trình học tập ở con người, bản chất, những đặc điểm và ứng dụng cơ bản của chúng trong dạy học và giáo dục. Nhằm lí giải bản chất của việc học và của người học, mô tả quá trình học tập, đặc điểm của hoạt động học tập, qui luật của hành vi học tập và quan hệ của học tập với những điều kiện sinh học, tâm lí, văn hóa, xã hội v.v... và chỉ ra việc dạy học và giáo dục phải như thế nào thì thích hợp với bản chất tâm lí của người học và việc học.

Các nghiên cứu giáo dục thường dẫn đến những lí thuyết, mô hình, quan niệm và những công cụ phát triển giảng dạy như chương trình, phương pháp, phương tiện, kĩ thuật dạy học, học liệu, môi trường, kết quả học tập và sự phát triển của người học trong dạy học, đào tạo và giáo dục.

8.10. Hoạt động giáo dục địa phương (2 tín chỉ)

Học phần này giúp cho người học tìm hiểu và thu thập những thông tin cụ thể, thực tế về các hoạt động giáo dục tại địa phương, bao gồm: các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học - giáo dục ở địa phương; nội dung giáo dục địa phương; các hoạt động giáo dục tại nhà trường và yêu cầu đổi mới giáo dục; những thuận lợi và khó khăn của địa phương trong việc tổ chức triển khai chương trình giáo dục phổ thông,... Học phần được thực hiện bằng hình thức đi thực tế và trải nghiệm thực tiễn giáo dục tại các cơ sở giáo dục tại địa phương (Sở/Phòng GD&ĐT, các trường tiểu học/phổ thông, các trường ĐH, CĐ của địa phương,...) Đây là cơ sở để học viên tiến hành những nghiên cứu KHGD ở nhà trường hoặc địa phương nơi mình công tác.

8.11. Chuẩn giáo dục và lý thuyết chương trình giáo dục 2 tín chỉ

Đây là học phần tự chọn bắt buộc chính thức trong chương trình đào tạo sau đại học của các chuyên ngành Khoa học giáo dục gồm Quản lý giáo dục, Giáo dục tiểu học, Giáo dục mầm non. Nội dung học phần gói gọn trong 4 chương, phản ánh những vấn đề lý luận cơ bản về chuẩn và chương trình giáo dục.

Chương 1. Quan niệm chuẩn trong giáo dục

Chương 2. Phát triển và áp dụng chuẩn trong giáo dục

Chương 3. Quan niệm chương trình giáo dục

Chương 4. Lý thuyết chương trình giáo dục

8.12. Văn hóa nhà trường hiện đại (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về văn hóa nhà trường và tầm quan trọng của việc xây dựng và phát triển văn hóa nhà trường, vai trò của người lãnh đạo, người quản lý trong việc xây dựng văn hóa nhà trường.

8.13. Giáo dục so sánh (2 tín chỉ)

Học phần tập trung nghiên cứu các vấn đề về quá trình hình thành và phát triển, khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu của giáo dục so sánh; Các nguyên tắc, cách tiếp cận và các kỹ thuật so sánh giáo dục.

8.14. Quản lý giáo dục và trường mầm non (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cơ sở lý luận về:

- Những phạm trù cơ bản của quản lý giáo dục mầm non

- Các khái niệm và phạm trù của KHQLGD

- Tổ chức giáo dục và cán bộ quản lý giáo dục

- Quan điểm, quan hệ và chức năng, nguyên tắc, phương pháp QLGD

- Những gợi ý vận dụng luật, chính sách và các văn bản quy định về giáo dục

mầm non nói chung và quản lý trường mầm non nói riêng

8.15. Đánh giá trong giáo dục mầm non (2 tín chỉ)

Học phần giúp người học có nhận thức chung về đánh giá giáo dục, lý thuyết, kỹ thuật và kỹ năng thiết kế, sử dụng các phương pháp và kỹ thuật để đo lường và đánh giá sự phát triển của trẻ, hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục, năng lực nghề nghiệp của giáo viên, nhà quản lý giáo dục mầm non cũng như các phương tiện và học liệu được sử dụng trong GDMN.

8.16. Bối cảnh và chính sách trong giáo dục mầm non (2 tín chỉ)

Học phần xem xét các tác động nổi bật trong bối cảnh phát triển giáo dục mầm non hiện nay ở nước ta so với các thập kỷ trước đây, bản chất sự thay đổi, các ưu điểm, những thách thức đối với sự nghiệp giáo dục mầm non. Học phần cũng đề cập đến quan niệm khoa học về chính sách và phát triển chính sách, những khía cạnh chủ yếu trong chính sách giáo dục mầm non, những điểm thích hợp và chưa thích hợp của chính sách với thực tiễn giáo dục.

8.17. Lý thuyết về môi trường hoạt động của trẻ ở trường mầm non (2 tín chỉ)

Học phần nêu ra những vấn đề lý luận về môi trường hoạt động cho trẻ mầm non. Môi trường hoạt động được coi là người thầy thứ hai, đóng góp quan trọng vào sự phát triển của trẻ mầm non. Lý thuyết về vai trò, nguyên tắc xây dựng môi trường, các loại môi trường hoạt động... được đề cập. Trên cơ sở đó, học phần đề cập tới việc vận dụng lý thuyết để xây dựng môi trường hoạt động phù hợp với trẻ mầm non.

8.18. Giáo dục tiền tiểu học cho trẻ mầm non (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp những vấn đề cơ bản về: cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn của giáo dục tiền tiểu học đối với trẻ mầm non; các hoạt động giáo dục tiền tiểu học cho trẻ mầm non; vận dụng thiết kế và đánh giá các hoạt động giáo dục tiền tiểu học cho trẻ mầm non. Học phần củng cố nhiệm vụ quan trọng của giáo dục tiền tiểu học đối với trẻ mầm non, coi nhiệm vụ giúp trẻ sẵn sàng tâm thế vào lớp 1 là một nhiệm vụ quan trọng của giáo dục mầm non.

8.19. Tâm lý học thần kinh trẻ em (3 tín chỉ)

Tâm lý học thần kinh trẻ em là học phần nghiên cứu quy luật tâm lý của hoạt động thần kinh cấp cao ở trẻ em lứa tuổi mầm non (từ 1 đến 6 tuổi) bao gồm các tri thức cơ bản về cơ sở tâm lý học thần kinh và ứng dụng của nó trong lĩnh vực giáo dục trẻ mầm non. Nội dung của học phần này giúp học viên cao học hiểu được một cách khá chi tiết về các phương pháp nghiên cứu tâm lý học hoạt động thần kinh cấp cao, sự tiến hoá, đặc điểm cấu trúc và chức năng của não người, đặc biệt là bán cầu đại não và những chức năng tâm lý của tổ chức và hoạt động thần kinh. Qua đó giúp cho người học có thể vận dụng lý luận khoa học thần kinh trong việc nuôi, dạy trẻ hiệu quả và nghiên cứu trẻ, giúp trẻ có thể phát triển toàn diện và trở thành những con người thông minh.

8.20. Các lý thuyết về sự phát triển của trẻ em (3 tín chỉ)

Học phần cung cấp lý luận cơ bản về sự phát triển của trẻ em; bao gồm các triết lý và lý thuyết chủ yếu chỉ ra bản chất sự phát triển thể chất-vận động, tâm lý và xã hội của trẻ. Nội dung Học phần bao gồm các chủ đề Lịch sử tư tưởng trước thế kỷ 20 về sự phát triển trẻ em, Các lý thuyết phát triển nhận thức, Các lý thuyết phát triển xã hội, Các lý thuyết phát triển ngôn ngữ, Các lý thuyết phát triển thể chất, Các lý thuyết phát triển giá trị thông qua các triết lý nổi bật như Phân tâm luận, Hành vi luận, Nhận thức luận, và một số học thuyết khác về tương tác văn hóa xã hội, hoạt động và giao tiếp...

8.21. Các xu hướng giáo dục hiện đại trong thực tiễn giáo dục mầm non (3 tín chỉ)

Học phần trang bị những kiến thức chuyên sâu về các xu hướng hiện đại trong giáo dục mầm non. Trên cơ sở đó, học phần làm rõ sự phù hợp vận dụng các xu hướng giáo dục hiện đại trong thực tiễn giáo dục mầm non ở Việt Nam cũng như quy trình vận dụng thực tế. Từ đây, học phần xây dựng phần thiết kế và đánh giá hoạt động vận dụng các xu hướng hiện đại trong thực tiễn giáo dục mầm non.

8.22. Giáo dục và phát triển ngôn ngữ của trẻ (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho học viên: Những lý luận chung về dạy tiếng mẹ đẻ; những quy luật tiếp nhận tiếng mẹ đẻ của trẻ mầm non, các phương pháp và biện pháp phát triển tiếng mẹ đẻ cho trẻ mầm non, đặc điểm phát triển ngôn ngữ của trẻ mầm non.

8.23. Giáo dục thể chất cho trẻ mầm non (2 tín chỉ)

Học phần bao gồm các loại kiến thức sau:

- Kiến thức về phương pháp giáo dục thể chất với đối tượng là trẻ mầm non
- Nguyên tắc tiến hành các phương pháp giáo dục thể chất
- Phương pháp dạy học động tác
- Phương pháp dạy học các tổ chức thể lực

8.24. Giáo dục giá trị và kỹ năng sống cho trẻ ở trường mầm non (2 tín chỉ)

Học phần này đề cập đến các vấn đề: Lý luận về giá trị và mục tiêu giáo dục giá trị ở trường mầm non, Phương pháp và biện pháp giáo dục đạo đức ở trường mầm non, Phương pháp và biện pháp giáo dục thẩm mỹ ở trường mầm non, Phương pháp và biện pháp giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống ở trường mầm non, Phương pháp và biện pháp giáo dục kỹ năng xã hội và hành vi văn hóa ở trường mầm non.

8.25. Phát triển tư duy của trẻ qua hoạt động làm quen với toán và môi trường xung quanh (2 tín chỉ)

Học phần đề cập đến các vấn đề như: Khái niệm tư duy, Sự phát triển tư duy ở lứa tuổi mầm non, các thuyết về sự phát triển tư duy, Sự phát triển tư duy ở lứa tuổi mầm non trong quá trình hình thành biểu tượng và các khái niệm thường thức (toán và môi trường xung quanh (các luận điểm của J.Piaget, P.Ia.Galperin, N.A.Paddiacop...)); Phương pháp phát triển tư duy trong lĩnh vực nhận thức các thuộc tính mang tính toán học và thế giới xung quanh.

8.26. Phát triển tính sáng tạo của trẻ trong hoạt động nghệ thuật (2 tín chỉ)

Học phần bao gồm các nội dung cơ bản về sáng tạo nói chung: khái niệm, đặc điểm, cấu trúc, cấp độ... và những đặc điểm, điều kiện và các phương pháp phát triển những biểu hiện sáng tạo của trẻ mầm non. Đồng thời hướng dẫn sử dụng một số test và bài tập đánh giá biểu hiện sáng tạo của trẻ trong hoạt động nghệ thuật.

8.27. Phát triển kỹ năng giao tiếp của trẻ mầm non (2 tín chỉ)

Trên cơ sở tìm hiểu, nghiên cứu về hoạt động giao tiếp, học phần cung cấp những vấn đề lý luận về các kỹ năng giao tiếp, các phương pháp phát triển kỹ năng giao tiếp của trẻ mầm non, cách tạo nhu cầu giao tiếp ở trẻ, đồng thời hướng dẫn học viên cách thức tổ chức môi trường giáo dục phát triển kỹ năng giao tiếp của trẻ.

8.28. Phát hiện và bồi dưỡng năng khiếu của trẻ (2 tín chỉ)

Học phần này nằm trong hệ thống tự chọn dành cho vấn đề phát hiện và giáo dục trẻ em có năng khiếu về các mặt văn chương, nghệ thuật, trí tuệ toán học, khoa học, xã hội, ngôn ngữ và vận động. Những vấn đề cụ thể bao gồm 2 nhóm: phát hiện trẻ năng khiếu ở lứa tuổi mẫu giáo, và quan niệm, biện pháp, kỹ thuật bồi dưỡng năng khiếu của các cháu tại nhà trường.

8.29. Giáo dục trẻ có nhu cầu đặc biệt (2 tín chỉ)

Trên nền tảng kiến thức về giáo dục học đại cương và giáo dục học Mầm non ở đại học, học phần sẽ cung cấp cho học viên những hiểu biết chung về mô hình giáo dục dành cho những trẻ em có nhu cầu giáo dục đặc biệt. Đồng thời, học viên có những hiểu biết về công tác tổ chức chăm sóc, giáo dục, quản lý lớp học trẻ em có nhu cầu đặc biệt trong trường mầm non hòa nhập.

8.30. Giáo dục STEAM trong trường mầm non (2 tín chỉ)

Giáo dục STEAM trong trường mầm non là học phần hướng dẫn học viên nghiên cứu cơ sở lý luận và vấn đề thực tiễn liên quan đến giáo dục STEAM trong trường mầm non hiện nay. Thông qua tìm hiểu các nội dung của học phần, học viên hiểu rõ cơ sở khoa học của giáo dục STEAM, nguyên tắc giáo dục STEAM cho trẻ; Mục tiêu, nội dung bài học STEAM cho trẻ; cách thiết kế, tổ chức, đánh giá bài học STEAM theo chủ đề trong chương trình giáo dục mầm non. Ngoài ra, học viên được rèn luyện kỹ năng xây dựng kế hoạch tổ chức bài học STEAM trong trường mầm non.

8.31. Truyền thông giáo dục dinh dưỡng trẻ em (2 tín chỉ)

Học phần *Truyền thông giáo dục dinh dưỡng trẻ em* tập trung vào việc nghiên cứu và áp dụng các phương pháp truyền thông hiệu quả để tăng cường nhận thức về dinh dưỡng trong độ tuổi mầm non. Thông qua học phần, học viên sẽ được hướng dẫn về cách thiết kế và triển khai các chiến lược truyền thông phù hợp với lứa tuổi và tình trạng dinh dưỡng của trẻ em, từ đó góp phần cải thiện chất lượng dinh dưỡng và sức khỏe cho trẻ tại trường mầm non. Môn học cũng đặt ra các thảo luận về vai trò của truyền thông trong việc tạo ra những thay đổi tích cực trong thói quen ăn uống của trẻ mầm non, thông qua việc áp dụng các phương pháp giáo dục hiện đại và các công cụ truyền thông đa dạng.

8.32. Thực tập (6 tín chỉ)

Thực tập là hoạt động thực tiễn, trải nghiệm nghề nghiệp bắt buộc đối với học viên, đòi hỏi học viên phải tiến hành vận dụng các kiến thức và kỹ năng giáo dục mầm non đã được trang bị trong chương trình đào tạo vào thực tiễn chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non địa phương.

Nội dung thực tập:

- Chăm sóc giáo dục trẻ mầm non gắn với phát triển địa phương.
- Xây dựng môi trường giáo dục dựa vào tiếp cận tham gia

8.33. Đề án/Dự án tốt nghiệp (9 tín chỉ)

Đề án/Dự án tốt nghiệp giúp học viên ứng dụng những kiến thức liên ngành, chuyên ngành giáo dục mầm non và các kỹ năng nghiên cứu và tìm hiểu, phát hiện và giải quyết các vấn đề thực tiễn trong chuyên môn, đồng thời đề xuất và chứng minh tính hiệu quả của các biện pháp đã đề xuất. Kết quả của việc triển khai đề án/Dự án tốt nghiệp được thể hiện dưới dạng một bản báo cáo (bản thuyết minh) quá trình xây dựng, triển khai và kết quả triển khai đề án), đáp ứng các yêu cầu: Đề xuất và kiểm nghiệm được mô hình, biện pháp mới để giải quyết hiệu quả những thách thức trong thực tiễn giáo

dục mầm non; thể hiện năng lực ứng dụng tri thức khoa học vào giải quyết vấn đề của học viên; Phù hợp với các chuẩn mực về văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của người Việt Nam; Tuân thủ quy định của Trường về liêm chính học thuật và các quy định hiện hành của pháp luật về sở hữu trí tuệ...

9. Hướng dẫn thực hiện và đảm bảo chất lượng chương trình đào tạo

9.1. Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo

9.1.1. Nhà trường

- Xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn, lựa chọn giáo trình, xây dựng kế hoạch giảng dạy.

- Tổ chức và quản lý quá trình đào tạo theo quy định.

- Công bố công khai trên website của Trường: văn bản quy định cụ thể về tuyển sinh, tổ chức đào tạo trình độ thạc sĩ; kế hoạch và chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm, chương trình đào tạo, kế hoạch giảng dạy.

9.1.2. Phòng Đào tạo

- Xây dựng và cập nhật chương trình đào tạo, giáo trình, kế hoạch giảng dạy.

- Phối hợp tổ chức và quản lý quá trình đào tạo theo chương trình đào tạo đã được phê duyệt.

- Phối hợp quản lý việc học tập, việc thi và nghiên cứu của học viên;

- Chủ động đề xuất với trường trong hợp tác đào tạo trình độ thạc sĩ với các cơ sở trong và ngoài nước.

9.1.3. Khoa Giáo dục mầm non

- Xây dựng và định kỳ rà soát, cập nhật chương trình đào tạo, giáo trình, kế hoạch giảng dạy;

- Tiếp nhận và quản lý học viên trong suốt quá trình đào tạo;

- Phối hợp tổ chức và quản lý quá trình đào tạo theo chương trình đào tạo đã được phê duyệt;

- Phối hợp quản lý việc học tập, việc thi và nghiên cứu của học viên.

9.1.4. Giảng viên giảng dạy và hướng dẫn

- Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ kế hoạch, chương trình đào tạo, các quy định hiện hành của Trường và của nhà nước liên quan đến đào tạo trình độ thạc sĩ.

- Thường xuyên đổi mới phương pháp giảng dạy, nâng cao chất lượng đào tạo, thực hiện tư vấn, giúp đỡ học viên trong học tập và nghiên cứu khoa học.

- Thường xuyên nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ.

9.1.5. Học viên

- Hoàn thành chương trình đào tạo; chấp hành nội quy, quy chế, quy định về đào tạo trình độ thạc sĩ của nhà nước và của Trường.

- Được phản hồi ý kiến với người có thẩm quyền của Trường về chương trình đào tạo.

9.2. Hướng dẫn đảm bảo chất lượng chương trình đào tạo

9.2.1. Rà soát, điều chỉnh thường xuyên chương trình đào tạo

- Chương trình đào tạo được định kỳ rà soát, cập nhật tối thiểu 2 năm một lần và thường xuyên rà soát trong quá trình thực hiện.

- Việc rà soát chương trình đào tạo được thực hiện: căn cứ mức độ đáp ứng các yêu cầu theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam, chuẩn chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học, và các quy định hiện hành khác có liên quan; dựa trên kết quả đánh giá mức độ đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và phản hồi của các bên liên quan.

- Kết quả rà soát chương trình đào tạo được sử dụng để cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo.

9.2.2. Đánh giá tổng thể chương trình đào tạo

Chu kỳ đánh giá tổng thể chương trình đào tạo là 05 năm; quy trình đánh giá tổng thể tương tự với quy trình xây dựng mới chương trình đào tạo.

9.2.3. Công bố chương trình đào tạo

Hiệu trưởng công bố chương trình đào tạo dưới dạng chương trình đào tạo mới hoặc chương trình đào tạo sửa đổi, bổ sung sau khi được đánh giá và cập nhật.

Chương trình đào tạo (gồm Mô tả chương trình đào tạo và 100% đề cương chi tiết các học phần) được công bố công khai để các bên liên quan (cơ quan quản lý, nhà sử dụng lao động, giảng viên, người học, cựu người học,...) có thể tiếp cận dễ dàng và thuận tiện.

9.2.4. Kiểm định chất lượng chương trình đào tạo

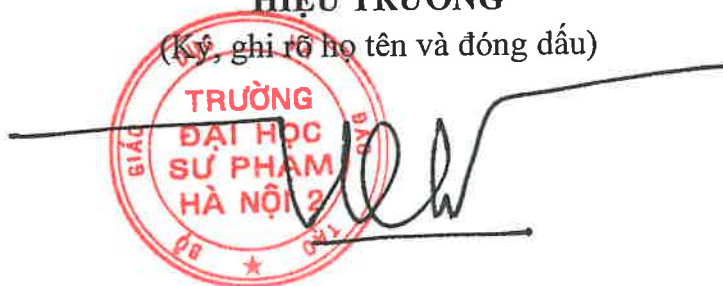
Kiểm định chất lượng chương trình đào tạo được thực hiện với quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trong quy trình kiểm định chất lượng (gồm: tự đánh giá, đánh giá ngoài, công nhận đạt chuẩn chất lượng), chương trình đào tạo được đối sánh với với tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Kết quả tự đánh giá, đánh giá ngoài được sử dụng làm căn cứ xây dựng và triển khai kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo đáp ứng chuẩn chất lượng.

HIỆU TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



Nguyễn Quang Huy